UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN DÂN TỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/BC-BDT	*Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 01 năm 2021*

BÁO CÁO
Thẩm định kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5936/UBND-KT ngày 01/12/2020 về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở báo cáo của UBND các huyện có liên quan, Ban Dân tộc tỉnh đã tổng hợp kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 và tổ chức lấy ý kiến thẩm định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại văn bản số 01/BDT-KHTH ngày 05/01/2021.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo kết quả thẩm định kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. HỒ SƠ, TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ rà soát, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 của các huyện gồm:

- Huyện Minh Long tại văn bản số 516/BC-UBND ngày 30/12/2020;
- Huyện Nghĩa Hành tại văn bản số 03/BC-UBND ngày 07/01/2021;
- Huyện Ba Tơ tại văn bản số 03/BC-UBND ngày 05/01/2021;
- Huyện Sơn Tây tại văn bản số 408/BC-UBND ngày 31/12/2020;
- Huyện Tư Nghĩa tại văn bản số 04/BC-UBND ngày 08/01/2021;
- Huyện Trà Bồng tại văn bản số 04/UBND-CSDT ngày 04/01/2021;
- Huyện Bình Sơn tại văn bản số 02/BC-UBND ngày 07/01/2021;
- Huyện Sơn Hà tại văn bản số 02/BC-UBND ngày 06/01/2021;

2. Hồ sơ thẩm định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 76/SLĐTBXH-VPGN ngày 12/01/2021.

II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021- 2025;

2. Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 theo chuẩn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Văn bản số 1625/UBDT-CSDT ngày 23/11/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg;

4. Các quyết định chuẩn y kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 của UBND các huyện.

5. Số liệu kết quả điều tra thực trạng kinh tế-xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Ban Dân tộc tỉnh

2. Cơ quan phối hợp thẩm định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Hình thức thẩm định: Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Kết quả rà soát của các huyện

Kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của các huyện như sau:

STT	Huyện	Kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của huyện						Ghi chú
		Tổng số thôn	Số thôn ĐBKK	Tổng số xã	Trong đó			
					Xã khu vực III	Xã khu vực II	Xã khu vực I	
1	Ba Tơ	93	63	19	15	2	1	
2	Minh Long	31	19	5	3	1	1	
3	Sơn Hà	89	59	14	11	1	2	
4	Sơn Tây	35	33	9	9	0	0	
5	Trà Bồng	79	65	16	13	1	1	
6	Bình Sơn	120	0	22	0	0	0	
7	Tư Nghĩa	79	0	14	0	0	1	
8	Nghĩa Hành	74	2	12	0	0	0	
Tổng cộng		**600**	**241**	**111**	**51**	**5**	**6**	

2. Kết quả thẩm định của Ban Dân tộc

Trên cơ sở các hồ sơ đề nghị thẩm định của UBND các huyện, kết quả thẩm định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các tài liệu liên quan, Ban Dân tộc tỉnh đã thẩm định kết quả rà soát và có sự thay đổi so với hồ sơ đề nghị của UBND các huyện như sau:

- Về số liệu tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số: Số liệu của tất cả các huyện nêu trên đều có sai lệch so với số liệu kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53

dân tộc thiểu số năm 2019, tuy nhiên không ảnh hưởng đến kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của các huyện.

- Về số liệu tỷ lệ hộ nghèo: Theo kết quả thẩm định của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 76/SLĐTBXH-VPGN ngày 12/01/2021số liệu có sai lệch ở một số huyện. Ban Dân tộc tỉnh đã cập nhật kết quả vào bảng tổng hợp, tuy nhiên không ảnh hưởng đến kết quả phân định của các huyện.

- Về kết quả phân định:

+ Huyện Minh Long: Xã Long Hiệp có tỷ lệ hộ nghèo là 15,73% và hộ DTTS nghèo là 63,78%. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg đủ điều kiện xếp loại xã Long Hiệp là xã thuộc khu vực III, tuy nhiên huyện chỉ xếp loại xã thuộc khu vực II. Ban Dân tộc tỉnh đã xếp loại xã Long Hiệp thuộc xã khu vực III.

- Huyện Trà Bồng: Xã trà Bình huyện xếp loại xã khu vực I và xã Trà Phú xếp loại xã khu vực II là không đúng quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg vì các xã này đề có tỷ lệ hộ DTTS <15% (tỷ lệ hộ DTTS của xã trà Bình là 0%, xã Trà Phú là 0,16%). Vì vậy Ban Dân tộc tỉnh không đưa vào danh sách Biểu 1.

- Huyện Bình Sơn: Xã Bình An có tỷ lệ hộ DTTS là 23,41% và tỷ lệ hộ nghèo là 6,71%. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg đủ điều kiện xếp loại xã Bình An thuộc xã khu vực I, tuy nhiên huyện chưa xếp loại. Ban Dân tộc tỉnh đã xếp loại xã Bình An thuộc xã khu vực I.

Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp kết quả thẩm định như sau:

STT	Huyện	Kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Ban Dân tộc						Ghi chú
		Tổng số thôn	Số thôn ĐBKK	Tổng số xã	Trong đó			
					Xã khu vực III	Xã khu vực II	Xã khu vực I	
1	Ba Tơ	93	63	19	15	2	1	
2	Minh Long	31	19	5	4	0	1	
3	Sơn Hà	89	59	14	11	1	2	
4	Sơn Tây	35	33	9	9	0	0	
5	Trà Bồng	79	65	16	13	0	0	
6	Bình Sơn	120	0	22	0	0	1	
7	Tư Nghĩa	79	0	14	0	0	1	
8	Nghĩa Hành	74	2	12	0	0	0	
Tổng cộng		**600**	**241**	**111**	**52**	**3**	**6**	

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Trên đây là ý kiến thẩm định của Ban Dân tộc tỉnh về kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn

2021-2025 tỉnh Quảng Ngãi; kính trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHTH.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thế Nhân